

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 146/2002/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 12 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

***Về việc sửa đổi tên, mức thuế suất thuế nhập khẩu mặt hàng xe ô tô,
phụ tùng và linh kiện xe ô tô trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi***

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 5519/VPCP-KTTH ngày 03/10/2002 của Văn phòng Chính phủ về việc thuế đối với ô tô;

Tham khảo ý kiến tham gia của các Bộ, ngành và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi tên, mã số, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng xe ô tô, phụ tùng xe ô tô quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định số 1803/1998/QĐ-BTC ngày 11/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung tại các Danh mục sửa đổi tên và thuế suất thuế nhập khẩu của một số nhóm mặt hàng ban hành kèm theo các Quyết định số 29/1999/QĐ-BTC ngày 15/3/1999; Quyết định số 139/1999/QĐ-BTC ngày 11/11/1999; Quyết định số 41/2000/QĐ-BTC ngày 17/3/2000; Quyết định số 210/2000/QĐ-BTC ngày 25/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành tên, mã số và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục sửa đổi tên và mức thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng xe ô tô và phụ tùng xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2.Quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với xe tô đã qua sử dụng củaloại xe ô tô thiết kế để vận tải hàng hóa có tổng trọng lượng có tải tối đakhông quá 20 tấn (nhóm 8704), và xe tô thiết kế để chở người, kể cả xe tô thiếtkể để chở người có khoang hành lý riêng đã qua sử dụng (nhóm 8702, 8703), caohơn 50% (năm mươi phần trăm) so với mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của xetô mới cùng chủng loại quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành.

Côngthức tính mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi xe tô đã qua sử dụng như sau:

Mức thuế xuất thuế nhập khẩu ưu đãi xe ô tô đã qua sử dụng	=	Mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi xe ô tô mới cùng chủng loại	+	Mức thuế xuất thuế nhập khẩu ưu đãi xe ô tô mới cùng chủng loại x50%
--	---	---	---	--

Điều 3.Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định cho 5 (năm) loại hình lắp ráp xe ô tô quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết địnhsố 1803/1998/QĐ-BTC ngày 11/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổsung tại các Danh mục sửa đổi tên và thuế suất thuế nhập khẩu của một số nhómmặt hàng ban hành kèm theo các Quyết định số 29/1999/QĐ-BTC ngày 15/3/1999;Quyết định số 139/1999/QĐ-BTC ngày 11/11/1999; Quyết định số 41/2000/QĐ-BTCngày 17/3/2000; Quyết định số 210/2000/QĐ-BTC ngày 25/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mứcthuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định cho các loại hình lắp ráp xe tô theo từngthời hạn như sau:

1. Từ ngày 01 tháng 1 đến 2003 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2003.

STT	Loại hình lắp ráp	Mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (%)	
		Xe ô tô nhóm 8702 và 8703	Xe ô tô nhóm 8704
1	CKD1	60%/mức thuế nhập khẩu của xe tô mới nguyên chiếc	40%/mức thuế nhập khẩu của xe tô mới nguyên chiếc
2	CKD2	40%/mức thuế nhập khẩu của xe tô mới nguyên chiếc	20%/mức thuế nhập khẩu của xe tô mới nguyên chiếc
3	LKD	10%/mức thuế nhập khẩu của xe tô mới nguyên chiếc	5%/mức thuế nhập khẩu của xe tô mới nguyên chiếc

2. Từ ngày 01 tháng 1 năm 2004 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2004.

--	--	--

STT	Xe ô tô nhóm 8704		Xe ô tô nhóm 8702 và nhóm 8703	
	Loại hình lắp ráp	Mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (%)	Loại hình lắp ráp	Mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi(%)
	CKD1	50% mức thuế nhập khẩu của xe ô tô mới nguyên chiếc	CKD	70% mức thuế nhập khẩu của xe ô tô mới nguyên chiếc
	CKD2	30% mức thuế nhập khẩu của xe ô tô mới nguyên chiếc		
	IKD	10% mức thuế nhập khẩu của xe ô tô mới nguyên chiếc		

Côngthứctính mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi cho các loại hình lắp ráp xe tônnhư sau:

Mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi loại hình lắp xe ô tô	=	Mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi xe ô tô mới nguyên chiếc	x	Tỷ lệ thuế nhập khẩu ưu đãi quy định cho từng loại hình lắp ráp xe ô tô
---	---	--	---	---

Mứcthuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định cho 3 (ba) loại hình lắp ráp xe ô tônhóm 8704 nêu tại điểm 2 chỉ áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2004. Từ ngày01 tháng 1 năm 2005, xe ô tô nhóm 8704 thực hiện thuế nhập khẩu như ô tô nhóm8702 và nhóm 8703 nêu tại điểm 2.

Điều 4. Quyếtdịnh này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp chocơ quan hải quan bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 năm 2003. Bãi bỏ những quy định trướcdây trái với Quyết định này./.

**DANH MỤC SỬA ĐỔI TÊN, MÃ SỐ VÀ MỨC THUẾ SUẤT
CỦA MỘT SỐ NHÓM MẶT HÀNG TRONG BIỂU THUẾ THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI**
(ban hành kèm theo Quyết định số

146/2002/QĐ-BTCngày 04/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Mã số		Mô tả nhóm, mặt hàng	Thuế suất
Nhóm	Phân nhóm		

				(%)
4011			Lốp bơm hơi mới các loại, bằng cao su	
4011	10	00	- Loại sử dụng cho ô tô con (kể cả loại ô tô con có khoang chở hành lý và ô tô đua)	50
4011	20		- Loại dùng cho ô tô buýt và ô tô vận tải:	
4011	20	10	- - Có chiều rộng lốp đến 450 m m	50
4011	20	90	- - Loại khác	50
4011	30	00	- Loại dùng cho máy bay	50
4011	40	00	- Loại dùng cho mô tô (motorcycles)	50
4011	50	00	- Loại dùng cho xe đạp	50
			- Loại khác:	
4011	91		- - Ta lông hình "xương cá" hoặc loại tương tự:	
4011	91	10	- - - Có chiều rộng lốp đến 450 m m	30
4011	91	90	- - - Loại khác	50
4011	99		- - Loại khác:	
4011	99	10	- - - Có chiều rộng lốp đến 450 m m	30
4011	99	90	- - - Loại khác	5
4012			Lốp bơm hơi cũ hoặc đắp lại bằng cao su; lốp đặc hoặc nửa đặc, ta lông có thể thay thế được và lót vành bằng cao su	
4012	10		- Lốp đã đắp lại:	
4012	10	10	- - Loại dùng cho ô tô con (kể cả ô tô con có khoang chở hành lý và ô tô đua)	50

4012			- - Loại dùng cho ô tô buýt hoặc ô tô vận tải	
4012	10	21	- - - Có chiều rộng lốp đến 450 mm	50
4012	10	29	- - - Loại khác	5
4012	10	30	- - Loại dùng cho máy bay	5
4012	10	40	- - Loại dùng cho mô tô (motorcycles)	50
4012	10	50	- - Loại dùng cho xe đạp	50
4012			- - Loại khác:	
4012	10	91	- - - Có chiều rộng lốp đến 450 m m	30
4012	10	99	- - - Loại khác	5
4012	20		- Lốp bơm hơi đã sử dụng:	
4012	20	10	- - Loại dùng cho ô tô con (kể cả ô tô con có khoang hành lý và ô tô đua)	50
			- - Loại dùng cho ô tô buýt hoặc ô tô vận tải:	
4012	20	21	- - - Có chiều rộng lốp đến 450 m m	50
4012	20	29	- - - Loại khác	5
4012	20	30	- - Loại dùng cho máy bay	5
4012	20	40	- - Loại dùng cho mô tô (motorcycles)	50
4012	90	50	- - Loại dùng cho xe đạp	50
4012	90	90	- - Loại khác	30
4012	90		- Loại khác:	
			- - Lốp đặc và lốp nửa đặc:	